TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC NINH** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 52 /2023/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 8 năm 2023
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Ngọc Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Sơn; Ông Đào Đức Phú

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên toà: Bà Hồ Thị Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 334/2023/HNGĐ - ST ngày 21 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị M, sinh năm 1980 (xin vắng mặt)
Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1977 (xin vắng mặt)
Đều trú tại: Khu Đ, phường V, thành phố B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai tại Toà án và đơn đề nghị, nguyên đơn là chị Dương Thị M trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn vào ngày 13 tháng 10 năm 2000. Trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Vạn An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi kết hôn anh chị chung sống ở nhà bố mẹ chồng đến năm 2005 vợ chồng chuyển ra ở riêng. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay không ai quan tâm gì đến ai. Chị về nhà mẹ bố mẹ đẻ ở. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Như T, sinh ngày 17/8/2001 và cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 19/4/2005. Hiện nay các cháu đã trên 18 tuổi, đủ tuổi trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu giải quyết

Do chị làm việc tại Công ty không xin nghỉ được nên chị xin được xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh thừa nhận về thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn như chị Mai trình bày là đúng. Anh chị sống ly thân từ cuối năm 2020. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn chị Mai xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung như chị Mai trình bày là đúng. Hiện nay các cháu đều đủ 18 tuổi nên anh không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản riêng, tài sản chung: Không có.

- Về công nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Dương Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn T

Về con chung, tài sản chung và công nợ: Không xem xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Dương Thị M, căn cứ vào Khoản 1, Điều 28, Khoản 1, Điều 35 ; Khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hôn nhân gia đình và Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về sự tham gia tố tụng của các đương sự tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án chi Dương Thị M có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và có mặt tại buổi công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa chị Mai có văn bản xin được giải quyết vắng mặt. Anh Nguyễn Văn T đã trình bày quan điểm tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai và có văn bản xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa xét xử. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị M và anh Nguyễn Văn T kết hôn vào ngày 13 tháng 10 năm 2000. Trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Vạn An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Như vậy, chị Mai và anh Thỏa đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật được quy định tại các điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống đến năm 2020 anh chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị luôn bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Chị Mai và anh Thỏa đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và không còn tình cảm, chị Mai làm đơn xin ly hôn anh Thỏa cũng đồng ý. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần xử cho chị Mai được ly hôn anh Thỏa .

2.2 Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Như T, sinh ngày 17/8/2001 và cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 19/4/2005. Hiện nay các cháu đã trên 18 tuổi đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

1.3 Về tài sản chung và công nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên không xem xét

1.4 Về án phí: Chị Mai tự nguyện chịu án phí

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 264, 266, 271. 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2006 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Toà án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn T

2. Về con chung: Các cháu đã đủ 18 tuổi nên không giải quyết

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Không yêu cầu

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Dương Thị M tự nguyện chịu 300.000đồng (Xác nhận chị Mai đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2022/0000242 ngày 19/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh). Chị Mai đã nộp đủ.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả bản án hoặc ngày niêm yết kết quả bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
-VKSND TP. Bắc Ninh;
- Chi cục THADS TP. Bắc Ninh;
- UBND phường Vạn An, TP. Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Ngọc Anh